

Bản án số: 1021/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04/9/2019
V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng.
2. Ông Huỳnh Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Giang – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2019/TLST-HNGĐ, ngày 07/3/2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 381/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thủy Ch, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 1/15 Đường 0, Khu phố 2, phường H, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, (Có mặt).

Địa chỉ liên hệ: Nhà không số, kế nhà số 911/2/1 Tỉnh lộ A, Khu phố 2, phường B, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Phạm Đình H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 1/15 Đường 0, Khu phố 2, phường H, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 21/02/2019, Bản tự khai ngày 14/3/2019, nguyên đơn – bà Nguyễn Thủy Ch trình bày: Bà Ch và ông Phạm Đình H chung sống với nhau năm 2002 và đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó quan hệ hôn nhân của vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không hòa hợp trong cách sống và cách suy nghĩ. Bà Ch và ông H đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thể chung sống lại được với nhau. Ông Phạm Đình H nghiện ma túy và đang chấp hành án phạt tù 07 năm tại Trại giam Lương Hòa, Phân trại II, thuộc ấp Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Nay không còn tình cảm với nhau nên bà Ch xin được ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Kiều O, sinh ngày 28/5/2003; Phạm Như Q, sinh ngày 08/4/2006 và Phạm Thùy L, sinh ngày 01/12/2007. Bà Ch yêu cầu nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu ông Phạm Đình H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức có Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 24/2019/QĐ-UTTA ngày 17/7/2019 cho Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tiến hành lấy lời khai ông Phạm Đình H. Biên bản lấy lời khai ngày 24/7/2019, ông Phạm Đình H có trình bày “Nay bà Ch yêu cầu ly hôn thì tôi đồng ý”. Về con chung: “Chúng tôi chung sống với nhau có 03 con chung tên Phạm Kiều O, sinh ngày 28/5/2003; Phạm Như Q, sinh ngày 08/4/2006 và Phạm Thùy L, sinh ngày 01/12/2007. Tôi đồng ý để bà Ch nuôi 03 con chung, tôi không cấp dưỡng nuôi con”. Về tài sản chung: “Tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết”. Về nợ chung: “Không có”.

Ngày 24/7/2019, ông Phạm Đình H viết đơn xin vắng mặt (Đơn có xác nhận của Giám thị trại giam) có nội dung “Tôi yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, kể cả xét xử”.

Tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Nguyễn Thủy Ch giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Đình H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu: Các trình tự, thủ tục đều tuân thủ quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn – bà Nguyễn Thủy Ch yêu cầu ly hôn với bị đơn – ông Phạm Đình H. Do ông H có nơi cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn – bà Nguyễn Thủy Ch, có mặt; Bị đơn – ông Phạm Đình H có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Căn cứ lời khai của các đương sự cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kiểm tra tại phiên tòa, có cơ sở xác định bà Nguyễn Thủy Ch và ông Phạm Đình H chung sống với nhau năm 2002 và đăng ký kết hôn năm 2009, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 149, Quyền số 02 do Ủy ban nhân dân phường H, quận Thủ Đức cấp ngày 15/6/2009. Do đó, hôn nhân giữa bà Ch và ông H là hợp pháp. Quá trình chung sống, bà Ch và ông H đã không còn hạnh phúc, đời sống gia đình xảy ra xung đột nhưng cả hai đã không tìm được tiếng nói chung. Ông Phạm Đình H nghiện ma túy và đang chấp hành án phạt tù 07 năm tại Trại giam Lương Hòa, Phân trại II, thuộc ấp Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn đến nay đã trầm trọng nên bà Ch đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông H là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Có 03 (Ba) con chung tên Phạm Kiều O, sinh ngày 28/5/2003; Phạm Như Q, sinh ngày 08/4/2006 và Phạm Thùy L, sinh ngày 01/12/2007. Bà Ch yêu cầu nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu ông Phạm Đình H cấp dưỡng nuôi con. Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của bà Ch và ông H, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội quận Thủ Đức trả lời “Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Chánh đã liên hệ địa chỉ số 1/15 Đường 45, Khu phố 2, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, tuy nhiên hộ bà Nguyễn Thủy Ch và ông Phạm Đình H không thực tế cư trú tại đây, theo ghi nhận thông tin, ông H nghiện ma túy đã lâu; bà Ch hiện đang nuôi dưỡng con chung nhưng sinh sống không rõ địa chỉ cụ thể”. Ngoài ra, lời khai ông H cũng có trình bày “Tôi đồng ý để bà Ch nuôi 03 con chung, tôi không cấp dưỡng nuôi con”. Do vậy, yêu cầu nuôi con của bà Ch là hợp lý nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà Ch và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Ch và ông H cùng khai không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do có yêu cầu ly hôn nên bà Nguyễn Thủy Ch phải chịu tiền án phí.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thủy Ch được ly hôn ông Phạm Đình H.

2. Về con chung: Có 03 (Ba) con chung tên Phạm Kiều O, sinh ngày 28/5/2003; Phạm Như Q, sinh ngày 08/4/2006 và Phạm Thùy L, sinh ngày 01/12/2007. Giao bà Nguyễn Thủy Ch trực tiếp nuôi 03 con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Ch, không yêu cầu ông Phạm Đình H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Đình H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: Bà Ch và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Ch và ông H cùng khai không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Nguyễn Thủy Ch phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai số AA/2018/0023736 ngày 07/3/2018, do Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức lập. Bà Ch đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thủy Ch được quyền kháng cáo bản án này đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Phạm Đình H được quyền kháng cáo bản án này đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- CCTHADS quận Thủ Đức;
- UBND phường Hiệp Bình Chánh;
- Lưu VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Quốc Thịnh